

DANH SÁCH GIAO THU CÁC LOẠI QUỸ NĂM 2026

ĐVT: Đồng

STT	Thôn	Số lao động	Quỹ PCTT	Quỹ BTTE	Quỹ Đền ơn Đáp nghĩa	Nợ năm 2025	Tổng giao thu	Ghi chú
1	Tân Thắng	264	2.640.000	4.488.000	4.488.000		11.616.000	
2	Tân Thành	245	2.450.000	4.165.000	4.165.000		10.780.000	
3	Tân Phong	327	3.270.000	5.559.000	5.559.000		14.388.000	
4	Tân Phan	215	2.150.000	3.655.000	3.655.000		9.460.000	
5	Tân Đình	198	1.980.000	3.366.000	3.366.000		8.712.000	
6	Tân Giang	392	3.920.000	6.664.000	6.664.000		17.248.000	
7	Tân Khê	304	3.040.000	5.168.000	5.168.000		13.376.000	
8	Bình Lợi	227	2.270.000	3.859.000	3.859.000		9.988.000	
9	Minh Tiến	455	4.550.000	7.735.000	7.735.000		20.020.000	
10	Kim Nam Tiến	339	3.390.000	5.763.000	5.763.000		14.916.000	
11	Tân An	178	1.780.000	3.026.000	3.026.000		7.832.000	
12	Hưng Phú	436	4.360.000	7.412.000	7.412.000		19.184.000	
13	Hoàng Diệu	426	4.260.000	7.242.000	7.242.000		18.744.000	
14	Hồ Hải	290	2.900.000	4.930.000	4.930.000		12.760.000	
15	Sơn Thịnh	420	4.200.000	7.140.000	7.140.000		18.480.000	
16	Phú Tân	747	7.470.000	12.699.000	12.699.000		32.868.000	
17	Phú Hải	889	8.890.000	15.113.000	15.113.000		39.116.000	
18	Phú Minh	389	3.890.000	6.613.000	6.613.000		17.116.000	
19	Phú Sơn	268	2.680.000	4.556.000	4.556.000		11.792.000	
20	Phú Lợi	656	6.560.000	11.152.000	11.152.000		28.864.000	
21	Phú Thượng	344	3.440.000	5.848.000	5.848.000		15.136.000	
22	Phú Long	876	8.760.000	14.892.000	14.892.000		38.544.000	
23	Phú Trung	397	3.970.000	6.749.000	6.749.000	23.594.000	41.062.000	
24	Đồng Phú	582	5.820.000	9.894.000	9.894.000		25.608.000	
25	Đồng Tiến	415	4.150.000	7.055.000	7.055.000		18.260.000	
26	Đồng Trụ Tây	398	3.980.000	6.766.000	6.766.000		17.512.000	
27	Hải Vân	232	2.320.000	3.944.000	3.944.000		10.208.000	
28	Hồ Vân Giang	265	2.650.000	4.505.000	4.505.000		11.660.000	
29	Yên Sơn	312	3.120.000	5.304.000	5.304.000		13.728.000	
30	Đồng Trụ Đông	379	3.790.000	6.443.000	6.443.000		16.676.000	
TỔNG CỘNG		11.865	118.650.000	201.705.000	201.705.000	23.594.000	545.654.000	

Số tiền bằng chữ: Năm trăm bốn mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi tư nghìn đồng chẵn.

Người lập biểu

Trưởng phòng Kinh tế

TM ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Kim Anh

Nguyễn Thị Hương

Đương Thị Vân Anh